

Kinh tế biển xanh - NHÌN TỪ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

▷ TRẦN HỮU HIỆP (Vụ trưởng Vụ Kinh tế, BCĐ Tây Nam Bộ)

ĐBSCL là vùng duy nhất của cả nước tiếp giáp Biển Đông và Biển Tây với bờ biển dài 750 km, chiếm 23% chiều dài bờ biển cả nước; hơn 360 ngàn km² vùng biển và đặc quyền kinh tế, có gần 200 đảo và quần đảo, đặc biệt là đảo Phú Quốc lớn nhất Việt Nam. ĐBSCL không chỉ là vựa lúa, trái cây, thủy sản của cả nước, một trung tâm sản xuất hàng hóa lớn trong chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu, mà còn có tiềm năng kinh tế biển to lớn đang mở ra phía trước.

Đồng bằng liên biển lớn

Vùng ĐBSCL có 2 lợi thế quan trọng để phát triển kinh tế biển. Đó là tiềm năng tự nhiên (lợi thế tĩnh) với bờ biển dài, diện tích lãnh hải thuộc chủ quyền rộng, nguồn lợi tự nhiên phong phú, đa dạng (thủy sản, khoáng sản, dầu khí, cảnh quan biển, đảo...). ĐBSCL còn có vị trí địa - kinh tế - chiến lược (lợi thế động) do nằm kế tuyến hàng hải Đông - Tây, là một cửa ngõ quan trọng, soi động ra biển Đông. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; các tỉnh trong vùng ĐBSCL đã xây dựng và triển khai thực hiện các Chương trình hành động phát triển kinh tế biển; bước đầu tạo chuyển biến tích cực. Đất Chín Rồng tiếp tục phát huy thế mạnh thủy sản, du lịch biển, đảo; bước đầu khai thác lợi thế công nghiệp năng lượng - khí - điện nhờ được Trung ương đầu tư một số công trình trọng điểm trên địa bàn như: Trung tâm khí - điện - đạm Cà Mau, đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn dài gần 400 km, Trung tâm điện lực Duyên Hải - Trà Vinh, điện lực Long Phú - Sóc Trăng... Một số khu kinh tế ven biển như Phú Quốc - Kiên Giang, Định An - Trà Vinh, nhóm cảng biển 6 trong vùng cũng được đầu tư, nâng cấp, tạo cơ sở cho ngành hậu cần logistic.

Quy hoạch xây dựng vùng ĐBSCL đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đều xác định vai trò của vùng là "trung tâm" lớn trên 4 lĩnh vực: sản xuất lúa gạo, thủy sản; chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp giống, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp; trung tâm năng lượng; trung tâm dịch vụ lớn của cả nước. Trong 2 ngành xuất khẩu chủ lực của nước ta là dầu khí và thủy sản, đạt kim ngạch hàng tỉ USD/năm, thì ĐBSCL đóng góp quan trọng với 52% sản lượng, khoảng 66% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Bên cạnh những thuận lợi, ĐBSCL cũng đang đứng trước nhiều thách thức phát triển kinh tế biển. Đó là cách tiếp cận phát triển kinh tế biển của vùng thời gian qua chủ yếu dựa vào tư duy, cách làm của kinh tế nông nghiệp truyền thống. Trong khi vẫn chưa giải quyết được căn cơ mối quan hệ giữa phát huy lợi thế bậc nhất về nông nghiệp (sản xuất lúa gạo, thủy sản, trái cây) với kinh tế biển (vận tải biển, hậu cần logistic). Thí dụ rõ nhất là hệ thống nhóm cảng biển 6 và luồng, đặc biệt là luồng Định An - Sông Hậu vẫn ách tắc việc vận tải phục vụ xuất nhập khẩu lượng lớn nông sản và nguyên liệu sản xuất. Du lịch biển, đảo, phát triển kinh tế biển để khai thác lợi thế và phục vụ nông nghiệp... còn nhiều hạn chế. Mặc dù bước đầu được đầu tư hạ tầng cảng, công nghiệp khí - điện, nhưng các khu kinh tế ven biển, vận tải biển và dịch vụ, du lịch biển, đảo còn ở trình độ thấp. Công tác qui hoạch yếu, điều tra cơ bản, phát triển khoa học - công nghệ biển, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng chưa đạt yêu cầu. Bên cạnh đó, vấn đề qui hoạch, tổ chức không gian phát triển và đầu tư kinh tế biển cho vùng còn hạn chế.



ĐBSCL có lợi thế bờ biển dài với nhiều hòn đảo có phong cảnh đẹp. Trong ảnh: Đảo Thổ Châu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Ảnh: THU HÀ

ĐBSCL giàu tiềm năng, nhưng nguồn lực đầu tư, đặc biệt là từ ngân sách và doanh nghiệp thấp; chủ yếu khai thác nguồn lợi tự nhiên sẵn có từ biển, còn nhiều rủi ro, trình độ thấp, thiếu liên kết vùng. Ngoài ra còn những thách thức trước tình trạng biến đổi khí hậu, nước biển dâng và yếu tố "cạnh tranh phát triển" ở biển Tây và biển Đông.

Chiến lược nào cho kinh tế biển xanh ĐBSCL?

Các năm qua, các tỉnh thành trong vùng ĐBSCL, đặc biệt là 7 tỉnh ven biển đã triển khai thực hiện các Chương trình hành động phát triển kinh tế biển, tạo ra chuyển biến tích cực. Song, thực tế đang đòi hỏi cần có một Chiến lược kinh tế biển của ĐBSCL gắn bó máu thịt với cả nước hơn là những chương trình hành động riêng lẻ của từng địa phương.

Liên kết vùng ĐBSCL là đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn sôi động của vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp lớn nhất nước, lực lượng nông dân đông đảo nhất, trình độ sản xuất hàng hóa nông nghiệp vào loại bậc nhất cả nước và tiềm năng kinh tế biển đang được mở ra phía trước. Chủ trương liên kết vùng cần một cơ chế pháp lý rõ ràng và mạnh mẽ hơn là sự "khuyến khích" hay các hình thức ký kết hợp tác chung chung giữa chính quyền các tỉnh với nhau thời gian qua. Việc liên kết cần được tổ chức theo cơ chế, mô hình, có phân công, phân vai rõ ràng giữa các địa phương, từ đầu tư các công trình trọng điểm vùng như cảng biển, khu kinh tế ven biển, phát triển kinh tế biển, du lịch biển đảo đến kết nối các công trình đầu tư và phát triển kinh tế biển của các tỉnh, thành, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

Phát triển kinh tế biển vùng ĐBSCL cần sự tiếp cận chuỗi - hệ thống tổng thể và thể chế, chính sách. Cần được tổ chức triển khai một cách đồng bộ, từ chất lượng và hiệu quả đầu tư, hợp tác quốc tế, vấn đề chủ quyền, đảm bảo quốc phòng - an ninh, tăng cường liên kết vùng, liên kết chính quyền, doanh nghiệp - thị trường... Với nguồn lực có hạn, việc lựa chọn mục tiêu trọng tâm, lựa chọn điểm đột phá, khác

phục tình trạng dàn trải, phân tán trong đầu tư phát triển kinh tế biển, gây lãng phí và kém hiệu quả... là yêu cầu quan trọng hàng đầu. Bên cạnh đó, cần có cơ chế, chính sách mạnh mẽ hơn cho kinh tế biển ở ĐBSCL bởi cho đến nay, vẫn chưa có gì đặc biệt thoát ra khỏi khung chính sách khuyến khích đầu tư chung, mà điển hình rõ nhất là trường hợp của Phú Quốc. Để phát triển Phú Quốc, tạo "đòn bẩy" cho kinh tế biển của vùng, từ năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 178/QĐ-TTg, Phê duyệt Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, nhằm phát triển đảo Phú Quốc trở thành khu kinh tế biển đặc thù, một trung tâm giao thương, dịch vụ, du lịch tầm cỡ quốc gia, khu vực và trên thế giới; với cơ chế "được hưởng ưu đãi

mức cao nhất trên cả nước được hưởng". Mặc dù hiệu quả tích cực từ Quyết định 178 là không thể phủ nhận, nhưng qua 8 năm thực hiện, vẫn vướng cơ chế, chính sách, Phú Quốc vẫn không thể thoát ra khỏi "chiếc áo pháp lý cấp huyện" để phát triển. Đầu tư hạ tầng, nhân lực dịch vụ trên đảo vẫn chưa đạt được như kỳ vọng.

Để kinh tế biển ĐBSCL phát triển, cần tiếp tục ưu tiên đầu tư, phát triển đảo Phú Quốc trở thành "đặc khu kinh tế biển mang tầm cỡ quốc tế" như định hướng của Bộ Chính trị. Bên cạnh đó, cần tiếp tục đầu tư "Tứ giác động lực" - Cần Thơ - Cà Mau - Kiên Giang - An Giang, gắn kết yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp với công nghiệp, kinh tế biển, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng; có chú ý phát triển hải hòa hành lang ven biển và các đô thị ven biển trong vùng. Phát triển toàn diện ngành hải sản, thành tiểu vùng kinh tế hải sản trọng điểm của cả nước. Xây dựng Cần Thơ thành trung tâm hậu cần logistic của vùng, Kiên Giang thành trung tâm nghề cá và dịch vụ lớn của cả nước. Ngoài ra, vấn đề xây dựng, hoàn thiện và vận hành cơ chế tổ chức liên kết vùng ĐBSCL trong qui hoạch đầu tư phát triển, liên kết các ngành kinh tế biển, liên kết thị trường hiệu quả cũng là một yêu cầu cấp bách...

ĐBSCL là tâm điểm của bán kính 500 km nối liền các thành phố lớn trong khu vực ASEAN. Ngoài biển Đông, ĐBSCL còn có tiềm năng kinh tế biển Tây với điều kiện tự nhiên thuận lợi, không bị gió bão, có "hòn ngọc quốc gia Phú Quốc" gắn với vịnh Thái Lan, đang tạo ra thế "địa kinh tế - quân sự" mới, đang mở ra một cánh cửa mới cho vùng ĐBSCL nhiều tiềm năng, nhưng cũng đầy thách thức. ■

PHÚ QUỐC SAU 8 NĂM THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 178 CỦA THỦ TƯỚNG:

Thu hút hơn 1.100 doanh nghiệp đầu tư, vốn đăng ký hơn 26.000 tỉ đồng

Sau 8 năm thực hiện Quyết định 178 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Kiên Giang và huyện đảo Phú Quốc đã phổ biến, tuyên truyền, kết hợp với kêu gọi nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm tìm hiểu, đến đầu tư tại Phú Quốc. Năm 2004 Phú Quốc chỉ có 285 doanh nghiệp đầu tư hoạt động, vốn đăng ký 373 tỉ đồng, đến cuối tháng 5 năm 2013, đã có 1.367 doanh nghiệp, tăng hơn 1.100 doanh nghiệp, tăng gấp 5,3 lần năm 2004, với số vốn đăng ký 26.000 tỉ đồng, tăng gấp 69 lần so với năm 2004. Riêng từ năm 2008 đến nay đã thu hút được 157 dự án đầu tư trong các khu quy hoạch, với diện tích 6.208 ha và 71 dự án đã được cấp giấy Chứng nhận đầu tư, với diện tích 3.478 ha, vốn đầu tư 86.688 tỉ đồng; 86 dự án được chấp thuận chủ trương, chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, diện tích 2.730 ha. Về cơ sở lưu trú du lịch đi vào hoạt động, với 853 phòng, 2.063 giường. Hiện nay Phú Quốc có 100 cơ sở lưu trú du lịch, với 1.975 phòng, hơn 3.366 giường.

Từ năm 2004 đến nay, kinh tế Phú Quốc tăng trưởng cao và ổn định, GDP tăng bình quân hàng năm hơn 22% (GDP năm 2012 đạt 2.145 tỉ đồng, tăng 4,91 lần so năm 2004; 6 tháng đầu năm 2013 tăng 22,16% so với cùng kỳ); thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt 57 triệu đồng/người/năm, bằng 5,78 lần so năm 2004; lượng khách du lịch tăng bình quân khoảng 13%, năm 2012 đạt 313.581 lượt người, bằng 2,8 lần so năm 2005; thu ngân sách tăng bình quân hàng năm hơn 36%, năm 2012 đạt 681,1 tỉ đồng, bằng 15,5 lần so năm 2004; huy động vốn đầu tư tăng 11 lần so năm 2004, đời sống các hộ dân được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo từ 14% năm 2004 giảm còn 1,86% năm 2012.

NGUYỄN ỨT-BÍCH LIÊN